

Pocket book

All about IAS and IFRS

PART 1



**Tiếng Anh
Chuyên Ngành Kế Toán**

11-2015

www.KeToanKiemToanOnline.com

Content

The Starting Line

Is IFRS Good? Should I Care about It?

Examine Skeleton of IFRS

IFRS Financial Statements

The Accountant's Biggest Nightmare

How to Deal with Property, Plant and Equipment

Capitalize or Not to Capitalize?

How to Calculate Impairment Loss

Inventories

When to Recognize Revenue?

Construction Contracts

Copyright ©

All rights reserved by AAO. No portion of this book may be reproduced mechanically, electronically, or by any other means, including photocopying without written permission of the publisher. The original purchaser is authorized to make one printed copy for personal use. The links within this e-book are also for personal use. Please do not share with anyone. Thank you.

The Starting Line

Dòng đầu

IFRS has become one of the biggest challenges in the current financial and accounting world. One day, every single company will have to apply IFRS because the whole world is moving towards global standards.

Learning it is quite demanding - complete standards with accompanying documents are **more than 3,000 pages long** and, moreover, they are written in a language that is quite difficult to read and understand.

Don't let this discourage you! The key of learning IFRS is making baby steps and practicing. I hope this e-book and accompanying materials will help you to get started.

Are you ready? So let's dive in together!

IFRS đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất trong giới tài chính và kế toán đương đại. Một ngày nào đó, mọi công ty sẽ phải áp dụng IFRS vì cả thế giới đang hướng tới các chuẩn mực toàn cầu.

Việc học nó là khá khó khăn – các chuẩn mực hoàn chỉnh với các tài liệu đính kèm là dài hơn 3.000 trang và, hơn thế nữa, chúng được viết bằng một ngôn ngữ mà khá là khó đọc và khó hiểu.

Đừng để điều này làm nhọc chí của bạn! Điều quan trọng của việc học IFRS là học từng bước nhỏ (như em bé) và thực hành. Tôi hy vọng e-book này và các tài liệu đi kèm sẽ giúp bạn bắt đầu.

Bạn sẵn sàng chưa? Vậy thì, chúng ta hãy cùng nhau đi sâu vào nhé!

What is IFRS?

IFRS là gì?

IFRS stands for International Financial Reporting Standards issued by nonprofit body IASB (International Accounting Standards Board). Simply said, it is a set of standards and principles for the preparation and presentation of the financial statements, especially for publicly traded companies.

Until several years ago, every country used its own principles for financial reporting – for example, Canada used Canadian GAAP, USA used US GAAP, etc. and no international principles existed.

However, due to the ever-globalizing world, it was necessary to ensure comparability of financial results between companies from various countries. That's probably the main reason why IFRS emerged.

Currently, IFRS is an alternative set of accounting principles to national accounting rules in many countries and companies based in these countries may select to report under national GAAP or IFRS.

IFRS là viết tắt của Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ban hành bởi tổ chức phi lợi nhuận IASB (Ban Chuẩn mực kế toán quốc tế). Nói đơn giản, nó là một tập hợp các chuẩn mực và nguyên tắc trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính, đặc biệt là cho các công ty đại chúng.

Cho đến cách đây vài năm, mỗi quốc gia sử dụng những nguyên tắc riêng của mình cho báo cáo tài chính - ví dụ, Canada sử dụng Canada GAAP, Mỹ sử dụng US GAAP, v.v và không có nguyên tắc quốc tế tồn tại.

Tuy nhiên, do thế giới ngày một toàn cầu hóa hơn, nó là cần thiết để đảm bảo khả năng so sánh được của các kết quả tài chính giữa các công ty từ các nước khác nhau. Đó có thể là lý do chính tại sao IFRS nổi lên.

Hiện nay, IFRS là một bộ các nguyên tắc kế toán thay thế cho các luật định kế toán quốc gia ở nhiều nước và các công ty có trụ sở tại các nước này có thể chọn báo cáo theo GAAP của nước mình hoặc là IFRS.

What countries adopted IFRS?

Các quốc gia đã thông qua IFRS?

In the present time, more than 120 countries adopted IFRS. Still, some countries do not permit application to IFRS: for example, Vietnam, Thailand, Cuba...and USA, of course.

What does it mean? It means that a company based in USA that wants to trade its shares publicly outside USA must report under both US GAAP and IFRS. You can imagine how time consuming and costly it might be!

However, IFRS shall be adopted worldwide by 2018 – at least, this was the aim according to some financial authorities. Now we know that this dream was too ambitious to come true and no one knows when the whole world will use IFRS.

With this regard, you might have heard about IFRS adoption and IFRS convergence...

Trong thời điểm hiện tại, có hơn 120 quốc gia thông qua IFRS. Tuy nhiên, một số nước không cho phép áp dụng IFRS: ví dụ, Việt Nam, Thái Lan, Cuba ... và Mỹ, tất nhiên.

Điều đó có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là một công ty có trụ sở tại Mỹ mà muốn giao dịch cổ phiếu của mình một cách công khai bên ngoài nước Mỹ phải báo cáo theo cả US GAAP và IFRS. Bạn có thể tưởng tượng được việc đó tốn thời gian và tiền bạc như thế nào rồi chứ!

Tuy nhiên, IFRS sẽ được thông qua trên toàn thế giới vào năm 2018 - ít nhất, đây là mục tiêu theo một số quan chức tài chính. Bây giờ chúng ta biết rằng giấc mơ này là quá tham vọng để trở thành sự thật và không ai biết được khi nào thì cả thế giới sẽ sử dụng IFRS.

Với vấn đề này, bạn có thể đã nghe nói về thông qua IFRS và hội tụ IFRS...

Difference between IFRS adoption and IFRS convergence

Sự khác biệt giữa thông qua IFRS và hội tụ IFRS

Although IFRS has already become the need of the hour, confusion still prevails over the difference between IFRS adoption and IFRS convergence. So let's clarify:

IFRS adoption: a country adopting IFRS is implementing IFRS into its legislation in exact form as issued by IASB. Most of the countries adopted IFRS, rather than converged.

IFRS convergence: a country converging to IFRS cooperates with IASB to mutually develop compatible accounting and financial reporting standards (so, no 100% mere adoption occurs). A typical example of IFRS convergence is USA, where IASB and FASB (US GAAP setting body) work together.

Mặc dù IFRS đã trở thành nhu cầu cần thiết hàng ngày hàng giờ, sự nhầm lẫn vẫn chiếm ưu thế ở sự khác biệt giữa việc thông qua IFRS và hội tụ IFRS. Vì vậy, chúng ta hãy làm rõ:

Thông qua IFRS: một quốc gia thông qua IFRS nghĩa là đang áp dụng IFRS vào pháp luật của nó ở dạng chính xác như được ban hành bởi IASB. Hầu hết các nước đã thông qua IFRS, chứ không phải là hội tụ.

Hội tụ IFRS: một quốc gia hội tụ về IFRS (sẽ) hợp tác với IASB để cùng phát triển các chuẩn mực Kế toán và Báo cáo tài chính tương thích (vì vậy, sẽ không có việc thông qua 100% xảy ra). Một ví dụ điển hình của hội tụ IFRS là trường hợp ở Mỹ, nơi mà IASB và FASB (cơ quan ban hành US GAAP) làm việc cùng nhau.

Main differences between US GAAP and IFRS

Những sự khác biệt chính giữa US GAAP và IFRS

The biggest difference is that **US GAAP is rule-based** and **IFRS is principle-based**. So, while US GAAP contains more precise rules and industry-specific guidelines, IFRS contains principles where the substance of the transaction overrides its form.

These 2 sets of standards are written in a very different way, thus it is impossible to list all the differences. But to bring the biggest ones:

- IFRS does not allow LIFO inventory costing, while US GAAP does allow that.
- IFRS classifies some financial assets differently than US GAAP.
- IFRS has one-step testing for impairment of assets, while US GAAP uses a 2step approach.

Sự khác biệt lớn nhất là US GAAP thì dựa-trên-luật-định và IFRS thì dựa-trên-nguyên-tắc. Vì vậy, trong khi US GAAP chứa các luật định chính xác hơn và các hướng dẫn cụ thể theo ngành, IFRS gồm các nguyên tắc mà bản chất của giao dịch quan trọng hơn hình thức của nó.

Hai bộ chuẩn mực này được viết theo một cách rất khác nhau, do đó không thể liệt kê được tất cả những sự khác biệt. Tuy nhiên, để điếm qua những khác biệt lớn nhất:

- IFRS không cho phép hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp LIFO, trong khi đó US GAAP cho phép điều đó.
- IFRS phân loại một số tài sản tài chính khác với US GAAP.
- IFRS có thử nghiệm 1-bước cho tổn thất tài sản, trong khi US GAAP sử dụng phương pháp tiếp cận 2-bước.

- IFRS allows capitalization of development expenses when some criteria are met, but US GAAP typically does not allow that.
- IFRS cho phép vốn hoá các khoản chi phí trong giai đoạn phát triển khi một số tiêu chí được đáp ứng, nhưng US GAAP thường không cho phép điều đó.
- There are big differences in revenue recognition. Although, these differences were removed to the large extent by issuing new revenue recognition standard, **IFRS 15 Contracts with Customers, in 2014.**
- Có những sự khác biệt lớn trong ghi nhận doanh thu. Mặc dù, những khác biệt này phần lớn đã được loại bỏ bằng việc ban hành chuẩn mực ghi nhận doanh thu mới, **IFRS 15 hợp đồng với khách hàng, trong năm 2014.**

Tailieu.vn

Is IFRS Good? Should I Care about It?

IFRS có tốt không? Tôi có nên quan tâm đến nó không?

I am sure that after reading the title you wonder – what strange questions... IFRS is here and we must deal with it!

Tôi chắc chắn rằng sau khi đọc tiêu đề bạn sẽ tự vấn – thật là những câu hỏi kỳ lạ ... IFRS là đây và chúng ta phải đối phó với nó!

But let's clarify a few things about it – can we see something valuable behind IFRS?

Nhưng chúng ta hãy làm rõ một vài điều về nó - chúng ta có thể thấy vài điều có giá trị đằng sau IFRS không?

Is IFRS good for anything?

IFRS có tốt cho bất cứ điều gì không?

Many companies see IFRS as an additional burden to other reporting obligations. But is it so?

Nhiều công ty xem IFRS như là một gánh nặng thêm cho những nghĩa vụ báo cáo khác. Nhưng có phải thật vậy không?

The main IFRS benefit is compatibility and comparability of the financial statements among various different countries.

Lợi ích chính của IFRS là khả năng tương thích và tính so sánh được của các báo cáo tài chính giữa các quốc gia khác nhau.

Even within 1 multinational corporation the benefit is obvious – if every branch in every country reports under the same set of rules, then there are no additional costs attached to preparation of consolidated financial statements.

Although the adoption of IFRS might initially trigger some costs, future cost savings will be much higher due to less work involved in the accounting and financial reporting.

Then, reporting under IFRS might ease the access to international capital – whether to international loan financing or entering into international stock exchange.

Further benefits are: easier cross-border acquisitions, easier implementation of integrated IT systems, easier global education and training, etc.

Ngay cả trong 1 công ty đa quốc gia, lợi ích là rõ ràng - nếu mỗi chi nhánh tại mỗi quốc gia báo cáo theo cùng một tập hợp các luật định, khi đó sẽ không mất thêm chi phí đi liền với việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Mặc dù việc thông qua IFRS ban đầu có thể kích hoạt một số chi phí, các chi phí tiết kiệm được trong tương lai sẽ cao hơn nhiều do sẽ có ít việc liên quan đến kế toán và báo cáo tài chính hơn.

Khi đó, báo cáo theo IFRS có thể làm cho việc tiếp cận với nguồn vốn quốc tế dễ dàng hơn – dù cho tiếp cận với nguồn tài trợ vốn vay quốc tế hay là tham gia vào thị trường chứng khoán quốc tế.

Lợi ích hơn nữa là: việc mua bán sáp nhập xuyên biên giới dễ dàng hơn, dễ thực hiện việc tích hợp hệ thống CNTT hơn, thực hiện giáo dục và đào tạo toàn cầu cũng dễ dàng hơn, vv

Will there be more accounting fraud under IFRS?

Liệu với IFRS sẽ có nhiều gian lận trong kế toán hơn không?

Some opponents of IFRS say that because IFRS do not contain precise rules (just principles), there will be more room to involve in “creative accounting” practices, chaos and accounting scandals.

However, let me remind you the following US GAAP accounting scandals: Enron, Tyco, Worldcom, K-mart, and many others. Therefore, not even rulesbased US GAAP can prevent all accounting frauds.

On the other hand, many proponents of IFRS say that exact principles make IFRS more rigorous, as it is more difficult to justify evasion of a principle than evasion of a rigid rule.

Một số chủ thể không ủng hộ IFRS nói rằng vì IFRS không chứa các luật định chính xác (mà chỉ gồm các nguyên tắc), sẽ có nhiều cơ hội để tham gia thực hành "kế toán sáng tạo", hỗn loạn và bê bối kế toán.

Tuy nhiên, hãy để tôi nhắc nhở bạn những vụ bê bối kế toán sau với US GAAP: Enron, Tyco, Worldcom, K-mart, và nhiều vụ khác nữa. Vì vậy, thậm chí các chuẩn mực dựa-trên-luật-định US GAAP cũng không thể ngăn chặn tất cả các hành vi gian lận kế toán.

Mặt khác, nhiều người ủng hộ của IFRS nói rằng các nguyên tắc chính xác làm cho IFRS nghiêm ngặt hơn, vì sẽ khó khăn để biện minh cho hành vi trốn tránh một nguyên tắc hơn là trốn tránh một luật định cứng nhắc.

Will IFRS affect my company?

IFRS sẽ ảnh hưởng đến công ty của tôi chứ?

It depends on what your company does and how big it is.

IFRS will affect mostly the following businesses:

- publicly traded companies (need to submit IFRS financial statements to stock exchange)
- multinationals with many foreign branches who need to consolidate the financial statements
- other companies who wish to access international financing (need to submit IFRS financial statements to international banks or financing institutions)

However, most of the businesses are small- or medium-sized enterprises with less than 300 employees. It is very likely that IFRS has no impact on them (at least not on their daily activities).

Điều đó còn phụ thuộc vào công ty của bạn làm gì và nó lớn cỡ nào.

IFRS sẽ ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp sau:

- Các công ty đại chúng (cần phải nộp báo cáo tài chính theo IFRS cho thị trường chứng khoán)
- Các công ty đa quốc gia với nhiều chi nhánh nước ngoài là đối tượng cần phải hợp nhất báo cáo tài chính
- Các công ty khác, những đối tượng muốn tiếp cận nguồn tài chính quốc tế (cần phải nộp báo cáo tài chính theo IFRS cho các ngân hàng quốc tế hoặc các tổ chức tín dụng)

Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp là các doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa với ít hơn 300 nhân viên. Thì rất có khả năng là IFRS không có tác động nào đến chúng (ít nhất là không tác động đến các hoạt động hàng ngày của chúng).

What does IFRS look like?

IFRS trông như thế nào?

IFRS consists of the following components:

- The Conceptual Framework for the Financial Reporting

The Framework states the basic principles for the financial reporting in line with IFRS. It is not a standard itself; rather it represents a solid base for further standards.

- International Accounting Standards (IAS) and International Financial Reporting Standards (IFRS)

These standards prescribe rules or accounting treatments for various individual items or elements of financial statements. IASs are the standards issued before 2001 and IFRSs are the standards issued after.

IFRS gồm có các thành phần sau:

- Khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính

Khuôn khổ (của việc lập và trình bày báo cáo tài chính) quy định những nguyên tắc cơ bản cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với IFRS. Bản thân nó không phải là một chuẩn mực; mà nó đại diện cho một nền tảng vững chắc cho các chuẩn mực khác (xây dựng trên đó).

- Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) và Chuẩn mực Quốc tế về Báo cáo tài chính (IFRS)

Những chuẩn mực này mô tả các luật định hoặc nguyên tắc hạch toán đối với từng chỉ tiêu hay thành phần của báo cáo tài chính. Những chuẩn mực IAS được ban hành trước năm 2001 và các chuẩn mực IFRS thì được ban hành sau đó.

- Standing Interpretations Committee (SIC) and Interpretations originated from the International Financial Reporting Interpretations Committee (IFRIC)

SICs and IFRICs are interpretations that supplement IAS / IFRS standards, deal with more specific issues than those covered by IFRS or IAS. SIC were issued before 2001 and IFRIC were issued after 2001.

- Các diễn giải được ban hành bởi Ban Thường trực Diễn giải (SIC) và Ban Diễn giải Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRIC)

Các SIC và IFRIC là các diễn giải bổ sung cho các chuẩn mực IAS và IFRS, giải thích cho các vấn đề cụ thể hơn so với những gì quy định trong IFRS hoặc IAS. SIC được ban hành trước năm 2001 và IFRIC thì được ban hành sau 2001.

Examine Skeleton of IFRS

Xem xét khung sườn của IFRS

Now that you are familiar with the background of IFRS, it is time to start learning its most important principles.

We will begin with **the Conceptual Framework for the Financial Reporting** that forms IFRS's skeleton.

Bây giờ bạn đã quen thuộc với nền tảng của IFRS, đây là thời gian để bắt đầu học những nguyên tắc quan trọng nhất của nó.

Chúng ta sẽ bắt đầu với Khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo Tài chính cái mà đã hình thành khung sườn của IFRS.

What is the Conceptual Framework about?

Cái Khuôn khổ đây là nói về cái gì?

The Framework describes the elementary principles for presentation and preparation of financial statements in line with IFRS and therefore, it is a "must-read" document.

Currently, the Framework is under construction, because some of its chapters are still empty.

Cái Khuôn khổ đây mô tả các nguyên tắc cơ bản để lập và trình bày báo cáo tài chính theo IFRS và do đó, nó là một tài liệu "phải đọc".

Hiện nay, cái Khuôn khổ đây vẫn đang được xây dựng, bởi vì một số chương của nó vẫn còn trống.

Among other things, the Framework states the objective of the financial reporting, describes characteristics of the financial information and explains the elements of the financial statements, their recognition and measurement.

Trong số những thứ khác, Khuôn khổ nêu rõ mục đích của báo cáo tài chính, mô tả đặc điểm của các thông tin tài chính và giải thích các yếu tố của báo cáo tài chính, việc ghi nhận và xác định giá trị của chúng.

What is the objective of the financial reporting?

Mục tiêu của việc báo cáo tài chính là gì?

The objective of the general purpose financial reporting is to provide information about an entity's economic resources and claims, together with their changes.

Mục tiêu của báo cáo tài chính cho mục đích chung là cung cấp thông tin về các tài nguyên và nghĩa vụ của một thực thể, cùng với những biến động của chúng.

Many different users would need this information, for example, investors, lenders, creditors and many other parties.

Nhiều người dùng khác nhau sẽ cần các thông tin này, ví dụ, các nhà đầu tư, người cho vay, chủ nợ và nhiều bên khác.

What qualities shall IFRS financial information have?

Những thông tin tài chính IFRS có các phẩm chất gì?

Financial information shall have fundamental qualitative characteristics (relevance and faithful representation) and also enhancing qualitative characteristics (comparability, verifiability, timeliness and understandability).

Thông tin tài chính có những đặc điểm định tính cơ bản (liên quan và đại diện trung thành) và cả những đặc điểm định tính tăng cường (so sánh được, kiểm chứng được, kịp thời và dễ hiểu).

What is a going concern?

Hoạt động liên tục là gì?

A going concern is an underlying assumption of the financial statements. It means that an entity will continue to operate for the foreseeable future (usually 12 months after the reporting date).

Hoạt động liên tục là một giả định cơ bản của báo cáo tài chính. Nó có nghĩa là một chủ thể sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai gần (thường là 12 tháng kể từ ngày báo cáo).

What are the elements of the financial statements?

Các yếu tố của báo cáo tài chính là gì?

The financial statements have 5 elements: assets, liabilities, equity (this is a residual calculated as assets less liabilities), income (both revenue and gains) and expenses.

Các báo cáo tài chính có 5 yếu tố: tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu (đây là giá trị còn lại được tính toán bằng cách lấy tài sản trừ nợ), thu nhập (cả doanh thu và thu nhập) và các khoản chi phí.

Related to

Có quan hệ với

Financial Position (statement of financial position and cash flows statement)

Tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ)

Financial Performance (income statement and cash flows statement):
Assets, Income (revenue and gains),
Liabilities, Expenses (from ordinary activities and losses), Equity (residual = assets – liabilities)

These elements shall be recognized in the financial statements when the 2 criteria are fulfilled:

- it is probable that any future economic benefit associated with the item will flow to or from the entity; and
- the item's cost or value can be measured with reliability.

There are several ways used to measure the items in the financial statements, such as historical cost, current cost, net realizable value or present value. The most common one is historical cost, but also other bases are used in combination.

Kết quả tài chính (báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ): Tài sản, Thu nhập (doanh thu và thu nhập), Nợ phải trả, Chi phí (từ các hoạt động kinh doanh thông thường và lỗ), Vốn chủ sở hữu (giá trị còn lại = tài sản - nợ phải trả)

Những yếu tố này sẽ được ghi nhận trong báo cáo tài chính khi 2 tiêu chí được thỏa mãn:

- Có khả năng là bất kỳ lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến các khoản mục này sẽ chảy vào hoặc chảy ra từ chủ thể; và
- Chi phí hoặc giá trị của khoản mục đó có thể được xác định với độ tin cậy.

Có một số cách được sử dụng để xác định giá trị các khoản mục trong báo cáo tài chính, chẳng hạn như giá gốc, chi phí hiện tại, giá trị thuần có thể thực hiện được hoặc giá trị hiện tại. Cách phổ biến nhất là giá gốc, nhưng những cách khác cũng được sử dụng kết hợp.

Concepts of capital and capital maintenance

Các khái niệm về vốn và bảo toàn vốn

The IFRS Framework discusses 2 concepts of capital and capital maintenance: financial and physical.

Based on selected concept of capital, an entity determines basis of measurement and accounting model used in preparation of the financial statements.

Khuôn khổ IFRS thảo luận về 2 khái niệm vốn và bảo toàn vốn: tài chính và vật chất.

Dựa trên khái niệm được lựa chọn về vốn, một chủ thể quyết định cơ sở xác định giá trị và mô hình kế toán được sử dụng trong việc lập các báo cáo tài chính.

IFRS Financial Statements

Báo cáo tài chính theo IFRS

You are just about to learn what IFRS financial statements shall contain and what they should look like.

And you will also learn where the balance sheet went...

This is all set in the standard IAS 1 about presentation of the financial statements.

Bạn sắp tìm hiểu các Báo cáo tài chính theo IFRS chứa đựng những gì và chúng trông như thế nào.

Và bạn cũng sẽ tìm hiểu nơi Bảng cân đối kế toán đã đi ...

Tất cả điều này được thiết lập trong Chuẩn mực IAS 1 về trình bày báo cáo tài chính.

What has to be included in IFRS financial statements?

Phải bao gồm những gì trong báo cáo tài chính theo IFRS?

A complete set of financial statements in line with IFRS consists of 5 parts:

- statement of the financial position
- statement of comprehensive income
- statement of changes in equity
- statement of cash flows
- notes with a summary of accounting policies and explanatory information.

Một bộ báo cáo tài chính theo IFRS hoàn chỉnh bao gồm 5 phần:

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh với một bảng tóm tắt các chính sách kế toán và thông tin giải thích